

Số: /TB-VP

Thanh Miện, ngày 22 tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Tư pháp
được chuẩn hoá thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp thuộc
thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã**

Căn cứ Quyết định số 3606/QĐ-UBND ngày 03 tháng 09 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng về việc cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn thành phố;

Thực hiện Công văn số 3421/STP-VP ngày 16/09/2025 của Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng về việc triển khai Quyết định công bố TTHC của UBND thành phố,

Văn phòng HĐND - UBND xã Thanh Miện thông báo niêm yết về việc công khai danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Tư pháp được chuẩn hoá thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã hiện có 61 TTHC còn hiệu lực.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo).

Văn phòng HĐND - UBND xã Thanh Miện thông báo niêm yết công khai danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Tư pháp được chuẩn hoá tại Cổng thông tin điện tử của UBND xã Thanh Miện tại địa chỉ: <https://thanhmien.haiphong.gov.vn>.

Văn Phòng HĐND - UBND xã Thanh Miện trân trọng thông báo để các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND xã;
- Trung tâm PVHCC xã;
- Trung tâm văn hóa TTTT xã;
- Công TTĐT xã;
- Lưu: VT, VP.

CHÁNH VĂN PHÒNG

Vũ Thị Thu

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA
LĨNH VỰC TƯ PHÁP TRÊN ĐỊA BÀN
XÃ THANH MIỆN (61 TTHC)

(Kèm theo Thông báo số /TB-VP ngày 22/9/2025 của Văn phòng Hội đồng nhân – Ủy ban nhân dân xã Thanh Miện

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (61 TTHC)

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (X)		Căn cứ pháp lý
						Toàn trình	Một phần	
I. Lĩnh vực Hộ tịch (37 TTHC)								
1.	1.001193	Thủ tục đăng ký khai sinh	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Miễn phí (ĐKKKS đúng hạn). - Đăng ký khai sinh không đúng hạn: 8.000 đồng. - Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng.	x		Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC
2.	1.000894	Thủ tục đăng ký kết hôn	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết		Miễn lệ phí		x	

			hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc.					ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
3.	1.001022	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì không quá 08 ngày làm việc.		- 10.000 đồng. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng.	x		
4.	1.000689	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì không quá 08 ngày làm việc.		- Miễn phí (ĐKKKS đúng hạn). - 8.000 đồng (bao gồm: Đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân). - 10.000 đồng (đăng ký nhận cha, mẹ, con) - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng.	x		
5.	1.000593	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	05 ngày làm việc	Địa điểm lưu động	Miễn lệ phí		x	

6.	1.000656	Thủ tục đăng ký khai tử	Ngày trong ngày, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- 8.000 đồng/lần (khai tử quá hạn). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	x		Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
7.	1.003583	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	05 ngày làm việc	Địa điểm lưu động	Đăng ký khai sinh quá hạn: 8.000 đồng (Miễn lệ phí với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)	x		
8.	1.000419	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	05 ngày làm việc		Đăng ký khai tử quá hạn: 8.000 đồng (Miễn lệ phí với người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)	x		
9.	1.004837	Đăng ký giám hộ	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Miễn lệ phí	x		Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số
10.	1.004845	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	02 ngày làm việc		Miễn lệ phí	x		

							104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
11.	3.000323	Đăng ký giám sát giám hộ	03 ngày làm việc (trường hợp phải xác minh thì kéo dài không quá 05 ngày làm việc)		Không quy định	x	- Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022;

								- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021.
12.	3.000322	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	03 ngày làm việc (trường hợp phải xác minh thì kéo dài không quá 05 ngày)		Không quy định	x		- Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014;

								- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016;
--	--	--	--	--	--	--	--	---

								- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021.
13.	1.004859	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	- Ngay trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo - 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; xác định lại dân tộc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc.		- 10.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật) - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	x		Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.

14.	1.004873	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày.		5.000 đồng/lần. (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). Miễn lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	x		Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
15.	1.004884	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.		- 8.000 đồng/lần. (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật) - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	x		
16.	1.004772	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.		- 8.000 đồng/lần. (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	x		
17.	1.004746	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.		- 30.000 đồng/lần. (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật);		x	

					- Đăng ký trực tuyến: 0 đồng			
18.	1.005461	Thủ tục đăng ký lại khai tử	05 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc.		- 8.000 đồng/lần. (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	x		
19.	2.000528	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; hồ sơ nhận sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo		- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	x		
20.	2.000806	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày)		- 1.500.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng		x	
21.	1.001766	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Ngay trong ngày, hồ sơ nhận sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc)		- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	x		

22.	2.000779	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	10 ngày làm việc		- 1.500.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng.	x		
23.	1.001695	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	10 ngày		- Nhận cha, mẹ, con: 1.500.000 đồng. - Đăng ký khai sinh: 75.000 đồng. (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	x		
24.	1.001669	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cử, 03 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên		- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	x		Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC
25.	2.000756	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	02 ngày làm việc		- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	x		

26.	2.000748	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	- Trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - 03 ngày đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc. kéo dài không quá 06 ngày làm việc.		- 28.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	x	ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
27.	2.002189	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	05 ngày làm việc (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc)		- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). Miễn lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến; - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	x	Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; Nghị quyết số
28.	2.000554	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	05 ngày làm việc (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc)		- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). Miễn lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến; - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	x	

29.	2.000547	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 3 ngày làm việc.		- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). Miễn lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến; - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	x		16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
30.	2.000522	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.		- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	x		Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC
31.	1.000893	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.		- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	x		

								ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
32.	2.000513	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.		- 1.500.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng		Một phần	Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018; Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023
33.	2.000497	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày.		- 75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật); - Đăng ký trực tuyến: 0 đồng	x		Nghị

								quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025.
34.	2.002621	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Ngày trong ngày, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo		Miễn phí	x		Nghị định 63/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/6/2024.
35.	2.002622	Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai tang phí, tử tuất	Ngày trong ngày, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo		Miễn phí	x		
36.	2.002516	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	03 ngày làm việc . (Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc)		8.000 đồng/bản (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật). Miễn lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến	x		Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021.

37.	2.000635	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.		8.000 đồng/bản	x		Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021.
-----	----------	---------------------------------------	--	--	----------------	---	--	---

II. Lĩnh vực Chứng thực (13 TTHC)

	2.001035	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	02 Ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch			Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025; Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
	2.001019	Thủ tục chứng thực di chúc	02 Ngày làm việc		50.000 đồng/di chúc			
	2.001016	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	02 Ngày làm việc		50.000 đồng/văn bản			
	2.001406	Thủ tục chứng thực văn	02 Ngày làm việc		50.000 đồng/văn bản			

		bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở						
	2.001009	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	02 Ngày làm việc		50.000 đồng/văn bản			
	2.001008	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ		10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được hiểu là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản).			
	2.000992	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	Trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ		10.000 đồng/trường hợp			
	2.000913	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ		30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch			

	2.000927	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ		25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch			
	2.000942	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ		2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản	T oàn trình		
	2.000908	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ		Không quy định	T oàn trình		Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; Thông tư số 01/2020/TT - BTP ngày 03/03/2020.
	2.000815	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc		2.000 đồng/trang đối với trang thứ nhất, trang thứ hai; từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/trang nhưng mức thu tối đa không quá 200.000 đồng/bản. (Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính)	M ột phần		Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025; Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.

	2.000884	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ		10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được hiểu là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản).			
III. Lĩnh vực Nuôi con nuôi (05 TTHC)								
	2.001263	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	30 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	400.000đ/ trường hợp (Miễn lệ phí đối với trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định; người có công với cách mạng)		Một phần	Luật Nuôi con nuôi 2010; Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/03/2011; Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/03/2019; Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016; Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020; Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025.
	2.001255	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	05 ngày làm việc		Không quy định	T oàn trình		Luật Nuôi con nuôi 2010; Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011; Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016; Thông tư số
	1.003005	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở	45 ngày		4.500.000 đồng/trường hợp		x	

		khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi						10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020; Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025.
	2.002363	Ghi vào sổ đăng ký nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ (Trường hợp phải xác minh thì hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc)		75.000 đồng (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)	T oàn trình		Luật Hộ tịch 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/03/2011; Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/03/2019; Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025.
	2.002349	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	10 ngày		Không quy định	x		Luật Nuôi con nuôi; Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011; Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020. Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025.

IV. Lĩnh vực Hoà giải ở cơ sở (05 TTHC)

	2.000424	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	x		Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013; Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
	1.002211	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	5 ngày làm việc		Không quy định	x		Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013; Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014.
	2.000950	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	5 ngày làm việc		Không quy định	x		
	2.000930	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	5 ngày làm việc		Không quy định	x		
	2.002080	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	5 ngày làm việc		Không quy định		x	

V. Lĩnh vực Bồi thường nhà nước (01 TTHC)

35.	2.002.165	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	77-87 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định			Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước năm 2017; Nghị định 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; Thông tư 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025.
-----	-----------	---	------------	---	----------------	--	--	---

